

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN
SAIGONTOURIST**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008**

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám Đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2008	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 24

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGON TOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty cổ phần vận chuyển Saigon Tourist (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

1. Các thông tin chung

Công ty cổ phần vận chuyển Saigon Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh lần 6 ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ: 40.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính công ty đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, tour cyclo. Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề. Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại. Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn-tấm, sắt thép phế liệu, xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng. Dịch vụ giao nhận hàng hoá trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hoá. Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn - uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày. In trên bao bì (không in tại trụ sở). Tư vấn du học. Đào tạo nghề. Đại lý đối ngoại tệ. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Thành viên Ban Giám đốc

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2008 và vào ngày lập báo cáo này gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông ĐINH QUANG HIỀN	Tổng Giám đốc
Ông PHẠM TUẤN HÀ	Phó Tổng Giám đốc
Ông PHẠM NGHĨA	Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGON TOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Các số liệu về tình hình kinh doanh trong năm 2008 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản bảo đảm nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính đến ngày lập báo cáo này.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động và lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với quy định của chuẩn mực/chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐINH QUANG HIỀN

Số: 09.176/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các thành viên Ban Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2008, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ Phần Vận Chuyển SaigonTourist (dưới đây gọi tắt là Công ty). Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Vận Chuyển SaigonTourist vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của niên độ kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

BÙI VĂN BÔNG
Chứng chỉ KTV số 0177/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.960.027.976	35.943.610.916
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	5.508.629.258	15.025.560.596
1. Tiền	111		5.508.629.258	15.025.560.596
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		500.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		500.000.000	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	20.700.234.268	17.527.348.357
1. Phải thu khách hàng	131		3.894.807.209	13.869.945.645
2. Trả trước cho người bán	132		2.114.096.963	2.333.359.963
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		14.691.330.096	1.324.042.749
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	(5.3)	632.111.025	911.614.055
1. Hàng tồn kho	141		632.111.025	911.614.055
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.619.053.425	2.479.087.908
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.4)	1.465.239.481	1.094.733.917
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.703.344	496.031.706
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	2.138.110.600	888.322.285

(Phần tiếp theo ở trang 5)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		73.470.051.865	63.036.256.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		69.563.142.015	59.748.771.823
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.6)	69.563.142.015	59.748.771.823
- Nguyên giá	222		101.919.785.225	84.545.514.497
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.356.643.210)	(24.796.742.674)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	2.737.163.112	580.016.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2.657.147.112	500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		80.016.000	80.016.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.169.746.738	2.707.468.278
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.8)	868.293.464	1.406.015.004
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	(5.9)	301.453.274	1.301.453.274
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		104.430.079.841	98.979.867.017

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		49.184.855.304	50.193.802.587
I. Nợ ngắn hạn	310		47.405.207.954	48.612.655.237
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	4.820.000.000
2. Phải trả người bán	312	(5.10)	-	1.268.214.600
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	162.058.000	882.997.051
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	880.727.429	322.483.744
5. Phải trả người lao động	315		1.242.407.272	1.629.745.528
6. Chi phí phải trả	316		83.420.960	91.114.703
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	(5.12)	45.036.594.293	39.598.099.611
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.779.647.350	1.581.147.350
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	(5.13)	1.779.647.350	1.581.147.350
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	(5.14)	55.245.224.536	48.786.064.430
I. Vốn chủ sở hữu	410		55.404.458.986	48.786.064.430
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		40.000.000.000	40.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.118.258.069	2.561.907.340
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	260.508.742
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		12.286.200.917	5.963.648.348
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(159.234.450)	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(159.234.450)	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		104.430.079.840	98.979.867.017

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ			
+ USD		105.282,65	123.536,25
+ EUR		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

DIỆP THỊ NGỌC

ĐINH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		84.217.432.753	69.701.958.332
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.600.000	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 03)	10	(6.1)	84.203.832.753	69.701.958.332
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	73.161.235.463	59.653.734.744
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		11.042.597.290	10.048.223.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	2.846.061.713	198.335.275
7. Chi phí tài chính	22		340.577.003	1.889.131.215
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		6.449.719.806	8.061.548.683
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		7.098.362.194	295.878.965
11. Thu nhập khác	31	(6.4)	7.351.664.447	5.954.593.926
12. Chi phí khác	32	(6.5)	798.692.289	730.473.814
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		6.552.972.158	5.224.120.112
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		13.651.334.352	5.519.999.077
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	1.365.133.435	556.350.729
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		12.286.200.917	4.963.648.348
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		30.716	12.409

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

DIỆP THỊ NGỌC

ĐÌNH QUANG HIỀN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		13.651.334.352	5.519.999.077
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		7.609.045.639	6.931.123.774
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(18.136.103)	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.829.550.321)	(1.703.537.850)
Chi phí lãi vay	06		-	1.668.378.388
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		18.412.693.567	12.415.963.389
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(2.043.540.863)	29.565.237.645
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		279.503.030	(362.326.025)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(2.585.050.079)	26.141.043.919
Tăng giảm chi phí trả trước	12		167.215.976	1.337.626.423
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(1.668.378.388)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(835.337.000)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.513.299.366	20.450.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.372.838.816)	(408.480.906)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		12.535.945.181	67.041.136.057
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(18.216.758.120)	(7.477.204.624)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		795.000.000	2.036.749.092
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.657.147.112)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.827.892.610	187.291.992
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.251.012.622)	(5.253.163.540)

(Phần tiếp theo ở trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(THEO PHƯƠNG PHÁP GIÁN TIẾP)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	690.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.820.000.000)	(53.865.658.746)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(4.820.000.000)	(53.175.658.746)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(9.535.067.441)	8.612.313.771
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		15.025.560.596	6.413.246.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		18.136.103	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		5.508.629.258	15.025.560.596

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG**TỔNG GIÁM ĐỐC****DIỆP THỊ NGỌC****ĐÌNH QUANG HIỀN**

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần vận chuyển Saigon Tourist được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003011 ngày 31 tháng 12 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh lần 6 ngày 05 tháng 02 năm 2008 của Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 40.000.000.000 VND.

Trụ sở đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại 25 Pasteur, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Công ty có các chức năng kinh doanh chủ yếu sau: Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, bằng taxi. Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, tour cyclo. Đại lý bán vé máy bay, tàu cánh ngầm. Đào tạo lái xe (mô tô và ô tô các loại), đào tạo nghề. Mua bán xe ô tô và phụ tùng. Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô các loại. Kinh doanh nhà. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà. Đại lý kinh doanh xăng dầu. Kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ, nông lâm hải sản, hàng may mặc, thiết bị máy móc, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất xe chuyên dùng, hóa chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), phụ gia, thực phẩm (không kinh doanh dịch vụ ăn uống), vật liệu xây dựng, máy vi tính. Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường giao thông, thủy lợi. San lấp mặt bằng. Trang trí nội ngoại thất. Thiết kế tạo mẫu. Dịch vụ quảng cáo thương mại. Mua bán thép, inox, ống thép, kết cấu thép, thép phôi, thép xây dựng, ống kim loại tôn và thép lá, dây kim loại, thép cán nguội dạng cuộn, thép cán nóng dạng cuộn-tấm, sắt thép phế liệu, xe tải, xe chuyên dùng, xe bơm bê tông, xe trộn bê tông, xe bồn, máy móc thiết bị ngành xây dựng. Dịch vụ giao nhận hàng hoá trong nước và xuất nhập khẩu. Dịch vụ vận tải hàng hoá. Môi giới thương mại. Môi giới hàng hải. Đại lý tàu biển. Đại lý bán vé tàu hỏa. Kinh doanh kho bãi. Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa. Mua bán hóa mỹ phẩm, rượu, bia, nước giải khát, sữa (không kinh doanh dịch vụ ăn - uống), đường, sản phẩm từ bơ sữa, pho mát, thịt nguội, bánh kẹo, đồ hộp, đồ nhựa gia dụng, điện lạnh, điện tử, hạt nhựa, hàng kim khí, da giày. In trên bao bì (không in tại trụ sở). Tư vấn du học. Đào tạo nghề. Đại lý đối ngoại tệ. Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

- Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối niên độ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 33 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 24 năm
+ Phương tiện vận tải	06 – 11 năm
+ Thiết bị văn phòng	3 – 09 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thông kê kinh nghiệm.

4.7. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế: lợi nhuận sau thuế được tính lập các quỹ sau:

- + Trích quỹ dự phòng tài chính
- + Trích quỹ khen thưởng
- + Trích quỹ phúc lợi
- + Trích quỹ đầu tư phát triển

Tỷ lệ trích các quỹ do Hội đồng quản trị phê duyệt hàng năm, ngoại trừ quỹ dự phòng tài chính được trích theo tỷ lệ quy định tại Điều 49.3 của bảng Điều lệ thành lập công ty không quá 5% lợi nhuận sau thuế cho đến khi quỹ này bằng 10% vốn điều lệ.

4.8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.9. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành; chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Công văn số 227/CT-TTHT ngày 08 tháng 01 năm 2008 của Cục thuế TP. Hồ Chí Minh về việc miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì Công ty được: miễn 2 năm kể từ khi kinh doanh có lãi, giảm 50% trong 3 năm tiếp theo và được hưởng thuế suất 20% cho 7 năm còn lại kể từ năm 2007.

- Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.10. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

4.11. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.015.500.000	433.410.000
Tiền gửi ngân hàng	3.493.129.258	14.592.150.596
Tổng cộng	4.508.629.258	15.025.560.596

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	3.894.807.209	13.869.945.645
Trả trước cho người bán	2.114.096.963	2.333.359.963
Các khoản phải thu khác	14.691.330.096	1.324.042.749
Giá trị thuần của các khoản phải thu	20.700.234.268	17.527.348.357

Các khoản phải thu khác là:

	31/12/2008
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	12.497.964.329
Pacific Airline	47.665.623
Cho vay hỗ trợ mua xe	266.664.335
Phải thu bán xe trả góp	425.104.000
BHXH, BHYT thu lại tài xế	101.522.949
Cổ tức 2007 đã chia	1.066.079.315
Phải thu khác	286.329.545
Tổng cộng	14.691.330.096

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	559.378.781	596.545.827
Công cụ, dụng cụ	27.767.845	28.258.411
Hàng hóa	44.964.399	286.809.817
Giá trị thuần có thể thực hiện	632.111.025	911.614.055

5.4. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là các khoản chi phí của các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng còn đang chờ phân bổ.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	1.927.307.200	778.713.885
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	210.803.400	109.608.400
Tổng cộng	2.138.110.600	888.322.285

(Phần tiếp theo ở trang 17)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	6.500.714.025	429.798.127	77.169.024.914	445.977.431	84.545.514.497
Mua trong kỳ	13.750.000.000	-	4.455.138.120	11.620.000	18.216.758.120
Thanh lý, nhượng bán	-	-	842.487.392	-	842.487.392
Số dư cuối năm	20.250.714.025	429.798.127	80.781.675.642	457.597.431	101.919.785.225
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.492.496.723	373.999.814	20.636.340.093	293.906.044	24.796.742.674
Khấu hao trong năm	54.400.352	14.037.421	7.515.573.588	25.034.278	7.609.045.639
Thanh lý, nhượng bán	-	-	49.145.103	-	49.145.103
Số dư cuối năm	3.546.897.075	388.037.235	28.102.768.578	318.940.322	32.356.643.210
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.008.217.302	55.798.313	56.532.684.821	152.071.387	59.748.771.823
Tại ngày cuối năm	16.703.816.950	41.760.892	52.678.907.064	138.657.109	69.563.142.015

Chi tiết tài sản tăng trong kỳ:

	31/12/2008
Căn nhà 106/781 Nguyễn Kiệm	13.750.000.000
Laptop Acer Pspire	11.620.000
15 chiếc xe Gertra	4.212.366.720
03 chiếc xe Kia-pride	169.371.400
01 chiếc xe Toyota Corolla	73.400.000
Tổng cộng	18.216.758.120

Chi tiết tài sản giảm trong kỳ:

	31/12/2008
03 chiếc xe Gertra	842.486.852

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	2.657.147.112	500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	80.016.000	80.016.000
Tổng cộng	2.737.163.112	580.016.000

Danh sách các công ty liên kết mà Công ty đã đầu tư như sau:

	Vốn góp đến 31/12/2008	Tỷ lệ góp vốn
+ Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang	2.177.147.112	
+ Công ty Sovico	480.000.000	15%
Cộng	2.657.147.112	

Đầu tư vào Công ty CP Đầu Tư Giải Trí Phước Sang khoản góp vốn đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 17/HĐHT/STC-PS ngày 07 tháng 04 năm 2008 với Công ty Cổ phần Đầu tư Giải trí Phước Sang để hợp tác kinh doanh cho thuê mặt bằng, văn phòng tại số 11 đường Sư Vạn Hạnh nối dài, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đầu tư vào Công ty Sovico giá trị khoản tiền góp vốn với tư cách cổ đông sáng lập vào Công ty CP Du Lịch Sài Gòn SOVICO, tương ứng với 15% vốn điều lệ của công ty này.

5.8. Chi phí trả trước dài hạn

Chủ yếu là các khoản chi phí của các công cụ, dụng cụ đã xuất dùng còn đang chờ phân bổ.

5.9. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ xuất khẩu lao động	100.000	1.000.000.000
Ký quỹ lữ hành quốc tế	250.000.000	250.000.000
Ký quỹ lữ hành nội địa	51.353.274	51.353.274
Tổng cộng	301.453.274	1.301.353.274

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	-	1.268.214.600
Người mua trả tiền trước	162.058.000	882.997.051
Tổng cộng	162.058.000	2.151.211.651

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế TNDN	810.576.191	280.779.846
Thuế TNCN	70.151.238	-
Thuế khác	-	41.703.898
Tổng cộng	880.727.429	322.483.744

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	28.382.509	41.234.379
Bảo hiểm xã hội	-	2.984.062
Doanh thu chưa thực hiện	2.743.321.026	460.645.504
Phải trả về cổ phần hóa	139.300.000	139.300.000
Cổ tức phải trả	413.640.012	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.711.950.746	38.953.935.666
Tổng cộng	45.036.594.293	39.598.099.611

Chi tiết các khoản phải trả khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	1.229.174.400	-
Cổ đông nộp tiền mua cổ phần để tăng vốn	39.892.650.000	38.443.100.000
Các khoản phải trả khác	590.126.346	510.835.666
Tổng cộng	41.711.950.746	38.953.935.666

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.13. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký cược, ký quỹ của tài xế lái xe.

5.14. Vốn chủ sở hữu

5.14.1 Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	5.475.219.490	45.475.219.490
Tăng vốn năm trước	-	-	-
Lợi nhuận năm trước	-	4.963.648.348	4.963.648.348
Giảm lợi nhuận năm trước do trích các quỹ và tạm chia cổ tức	-	(4.475.219.490)	(4.475.219.490)
Giảm khác	-	-	-
Số dư đầu năm nay	40.000.000.000	5.963.648.348	45.963.648.348
Tăng vốn năm nay	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	12.286.200.917	12.281.747.461
Giảm lợi nhuận năm trước do trích các quỹ và tạm chia cổ tức	-	(5.963.648.348)	(6.056.861.827)
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	40.000.000.000	12.286.200.917	50.912.160.571

5.14.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Du Lịch Sài Gòn	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty TNHH Thép Vinh Đa	11.600.000.000	11.600.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	16.400.000.000	16.400.000.000
Tổng cộng	40.000.000.000	40.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.14.3. Lợi nhuận chưa phân phối

	Năm nay	Năm trước
Tại thời điểm đầu năm	5.963.648.348	5.475.219.490
Lợi nhuận sau thuế trong năm	12.286.200.917	4.963.648.348
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(556.350.729)	(275.219.490)
Trích lập Quỹ khen thưởng năm 2007	(300.000.000)	(200.000.000)
Chia cổ tức năm 2007	(4.912.842.895)	(4.000.000.000)
Trích thù lao HĐQT, BKS năm 2007	(194.454.725)	-
Tại thời điểm cuối năm	12.286.200.917	5.963.648.348

5.14.4. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	4.912.842.895	4.000.000.000

5.14.5. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000	400.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000	400.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000	400.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 100.000 đồng/cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	453.531.896	2.422.446.738
Doanh thu lãi hành	23.837.648.216	8.635.197.825
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	55.943.334.014	48.901.526.501
Doanh thu dịch vụ khác	3.969.318.627	9.742.787.268
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	84.203.832.753	69.701.958.332

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	376.423.191	2.085.503.669
Giá vốn kinh doanh lãi hành	22.864.365.406	9.606.514.524
Giá vốn kinh doanh vận chuyển	46.633.171.897	39.967.421.344
Giá vốn dịch vụ khác	3.287.274.969	7.994.295.207
Tổng cộng	73.161.235.463	59.653.734.744

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.827.892.610	187.291.992
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	18.169.103	-
Khác	-	11.043.283
Tổng cộng	2.846.061.713	198.335.275

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.4. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	795.000.000	2.036.749.092
Thu từ hỗ trợ đền bù của Công ty Vinh Đa về di dời nhà xưởng tại công trình 99C Phố Quang	6.452.000.000	3.548.000.000
Khác	104.664.447	369.844.834
Tổng cộng	7.351.664.447	5.954.593.926

6.5. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt, tiền bồi thường	5.350.000	-
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	793.342.289	520.503.234
Chi phí khác	-	209.970.580
Tổng cộng	798.692.289	730.473.814

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế thu nhập hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	1.365.133.435	556.350.729
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của các năm trước	-	-
Tổng cộng	1.365.133.435	556.350.729

7. Những thông tin khác

7.1. Các tài sản nợ tiềm tàng, các cam kết và những thông tin tài chính khác

Công ty cùng với Công ty TNHH Thép Vinh Đa có dự án xây văn phòng và căn hộ cao cấp ở 99C Phố Quang. Theo bản xác nhận ngày 31/12/2008 giữa Công ty CP Vận chuyển Saigontourist và Công ty TNHH Thép Vinh Đa, Công ty TNHH Thép Vinh Đa sẽ gánh toàn bộ chi phí khấu hao còn lại của căn nhà trên tại thời điểm 31/12/2007 là 2.682.670.618 đồng. Do vậy, trong năm 2008 Công ty không trích khấu hao của tài sản này với chi phí ước tính theo thời gian khấu hao mới là 67.066.764 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN CHUYỂN SAIGONTOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

7.2. Thông tin về các bên có liên quan

<u>Stt</u>	<u>Tên bên có liên quan</u>	<u>Bản chất của giao dịch</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
1.	Công ty TNHH Thép Vinh Đa	▪ Cho vay ▪ Nhận tiền đền bù	4.500.000.000 6.452.000.000	- 3.548.000.000

7.3. Lương của Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lương Tổng Giám đốc	323.806.596	227.980.000
Lương của các người quản lý quan trọng khác	267.250.138	111.934.667
Thù lao Hội đồng quản trị	74.454.725	-
Tổng cộng	665.511.459	567.894.667

7.4. Các sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc niên độ đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

7.5. Những thông tin khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2008 được Tổng Giám đốc phê duyệt và phát hành vào ngày 25 tháng 02 năm 2009.

Ngày 25 tháng 02 năm 2009

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

DIỆP THỊ NGỌC

ĐÌNH QUANG HIỀN